

ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN
TRUNG BỘ

**ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số: NN1T-04/16h00/QTRI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày 22 tháng 01 năm 2025

BẢN TIN DỰ BÁO KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN PHỤC VỤ NÔNG NGHIỆP THỜI HẠN THÁNG (Tháng 02 năm 2026)

1. DỰ BÁO XU THẾ THỜI TIẾT THỦY VĂN THÁNG 02 NĂM 2026

1.1. Xu thế nhiệt độ:

Nền nhiệt độ trung bình trong tháng 02/2026 tại Tuyên Hóa và Đồng Hới phổ biến xấp xỉ cao hơn TBNN cùng kỳ từ 0.5-1.0 độ C (*Chi tiết ở phụ lục 01*).

- Thời kỳ đầu (từ ngày 01-10/02): Ở mức xấp xỉ cao hơn TBNN cùng kỳ.
- Thời kỳ giữa (từ ngày 11-20/02): Ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ.
- Thời kỳ cuối (từ ngày 21-28/02): Ở mức xấp xỉ cao hơn TBNN cùng kỳ.

1.2. Xu thế lượng mưa:

Tổng lượng mưa tháng 02/2026 phổ biến xấp xỉ thấp hơn TBNN cùng kỳ (*Chi tiết ở phụ lục 01*).

- Thời kỳ đầu (từ ngày 01-10/02): Ở mức xấp xỉ so với TBNN.
- Thời kỳ giữa (từ ngày 11-20/02): Ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng kỳ.
- Thời kỳ cuối (từ ngày 21-28/02): Ở mức xấp xỉ thấp hơn so với TBNN cùng kỳ.

1.3. Độ ẩm không khí, tổng lượng bốc hơi:

- + Độ ẩm không khí phổ biến từ 85-92 %.
- + Tổng lượng bốc hơi phổ biến từ 35-45mm.

1.4. Mực nước, dòng chảy:

Trong tháng 02 năm 2026, mực nước trên các sông có khả năng biến đổi chậm, vùng hạ lưu biến đổi theo chế độ thủy triều. Đỉnh triều cao, chân triều thấp xuất hiện trong khoảng thời gian 01 - 03/02/2026.

MNTB trên sông Gianh tại Đồng Tâm, Mai Hoá và tại Tân Mỹ có khả năng ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ.

Dòng chảy trên các sông có khả năng biến đổi chậm theo xu thế hạ thấp dần. Lưu lượng dòng chảy trung bình tháng 02/2026 trên sông Rào Nậy tại Đồng Tâm có khả năng cao hơn TBNN cùng kỳ và đạt 137.6%.

Dự báo trị số đặc trưng trung bình, lớn nhất và nhỏ nhất của mực nước, lưu lượng nước tháng 02/2026 xem chi tiết tại phụ lục 01 và phụ lục 02.

1.5. Cảnh báo khả năng xuất hiện thời tiết nguy hiểm:

- **Không khí lạnh:** Tháng 02/2026 có khoảng 2-4 đợt KKL ảnh hưởng đến khu vực, trong đó có khoảng 2-3 đợt rét, vùng núi có rét đậm.
- **Mưa lớn:** Trong tháng ít có khả năng xảy ra mưa lớn diện rộng.

- Đông, tố, lốc, sét: tháng 02 khu vực có khả năng xảy ra hiện tượng đông, lốc, sét khi ảnh hưởng KKL và KKLTC nén rãnh thấp xuống phía nam.

Trong tháng trên các sông ít có khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm.

1.6. Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế- xã hội.

Tháng 02 là tháng không khí lạnh hoạt động mạnh và ảnh hưởng đến thời tiết khu vực, gây ra nhiệt độ giảm thấp có khả năng ảnh hưởng đến sức khoẻ và các hoạt động ngoài trời của con người cũng như các vật nuôi và cây trồng, đặc biệt các khu vực vùng núi.

Trong tháng mực nước và dòng chảy trên các sông ít có khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, giao thông và các hoạt động kinh tế - xã hội.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 16h00, ngày 24/02/2026.

Tin phát lúc: 16h00, ngày 22/01/2025.

Noi nhận:

- TT nghiên cứu Quản trị TN vùng cao;
- Lưu Đài tinh.

GIÁM ĐỐC



Ngô Hải Dương

Phụ lục:

Phụ lục 01: Dự báo các yếu tố Khí tượng thời đoạn 10 ngày tháng 02/2026

Các yếu tố Khí气象	10 ngày đầu tháng				10 ngày giữa tháng				Những ngày cuối tháng			
	Tuyên Hóa	TBNN	Đồng Hới	TBNN	Tuyên Hóa	TBNN	Đồng Hới	TBNN	Tuyên Hóa	TBNN	Đồng Hới	TBNN
Ttb	18.5-19.5	18.6	19.0-20.0	19.2	19.5-20.5	19.7	20.0-21.0	20.1	20.0-21.0	19.9	20.5-21.5	20.3
Txtb	22.0-23.0	22.2	22.0-23.0	22.0	24.0-25.0	24.1	23.0-24.0	23.1	24.0-25.0	23.7	23.0-24.0	23.1
Tntb	16.5-17.5	16.5	17.0-18.0	17.4	17.0-18.0	17.2	18.0-19.0	18.2	17.5-18.5	17.7	18.5-19.5	18.6
Số ngày lạnh/rét	4	4	4	4	4	4	4	3	3	4	3	3
ΣR	10-15	17.2	10-15	12.1	10-15	11.5	10-15	14.3	05-10	12.9	05-10	9.9
SNM	4	6	4	5	5	6	4	6	5	5	3	5
Utb	90-95	90	85-90	89	87-92	90	87-92	90	85-90	90	85-90	89

Ghi chú:

- **Trạm Khí tượng Tuyên Hóa** (đại diện cho các xã: Tuyên Phú, Đồng Lê, Tuyên Sơn, Kim Phú, Kim Điện, Minh Hóa). **Trạm Khí tượng Đồng Hới** (đại diện cho các xã: Phong Nha, Bố Trạch).

- *Ttb: nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$); TBNN trung bình nhiều năm cùng kỳ; Txtb: nhiệt độ cao nhất trung bình ($^{\circ}\text{C}$); Tntb: nhiệt độ thấp nhất trung bình ($^{\circ}\text{C}$); Utb: độ ẩm tương đối trung bình (%); ΣR : tổng lượng mưa (mm); SNM: số ngày mưa; Số ngày lạnh/rét (ngày).*

Phụ lục 02: Bảng đặc trưng mực nước thực đo và dự báo các trạm.

Đơn vị: cm

Sông	Trạm	Dự báo									
		10 ngày đầu			10 ngày giữa			10 ngày cuối			Đặc trưng
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình
Sông Gianh	Đồng Tâm	286	310	281	291	350	280	338	420	300	303
	Mai Hoá	18	90	-70	15	75	-62	13	75	-65	15
	Tân Mỹ	16	60	-50	14	50	-45	12	50	-47	14
Sông Son	Phong Nha	15	85	-45	13	68	-40	29	68	-40	19

Phụ lục 03: Bảng đặc trưng lưu lượng nước thực đo và dự báo các trạm

Sông	Trạm	Dự báo											
		10 ngày đầu			10 ngày giữa			10 ngày cuối			Đặc trưng		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Gianh	Đồng Tâm	18.5	28.1	16.9	20.3	51.0	16.6	43.5	115	23.7	25.0	115	16.6

Phụ lục 04: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm

